

Bản án số: 20/2025/HNGĐ - ST
Ngày: 30/5/2025
Về "Ly hôn"

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỔ YÊN, TỈNH THÁI NGUYÊN**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hà Thị Thu Thủy.

- *Các hội thẩm nhân dân*

1. Ông Nguyễn Hồng Hải

2. Bà Nguyễn Thị Thanh

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Đào Hồng Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phổ Yên tham gia phiên tòa:* Không.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại hội trường Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 77/2025/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025 về "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/5/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Minh H, sinh năm 1965;

Địa chỉ: Xóm 5, xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Xóm PT, xã PT, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

(Bà H, ông N có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày , bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa bà Đặng Thị Minh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn N tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 1984 và đã có với nhau hai con chung là Quỳnh N và Thuý H sau đó hai bên đi đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân thị trấn (nay là phường) Bắc Sơn vào ngày 21/11/1989. Sau khi cưới bà về nhà ông N làm dâu ở chung cùng gia đình ông N. Tình cảm vợ chồng chung sống hoà thuận được vài năm đầu tiên sau đó mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống và cách sống, ngoài ra ông N còn có quan hệ trai gái, nhưng vì đã có con chung nên bà vẫn cố gắng chung sống cùng ông N. Tuy nhiên đến năm 2022 thì mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, ông N thường xuyên hành hạ về tinh thần bà, bên cạnh đó ông N còn hành hung, đánh đập bà vì thế mà cuộc sống vợ chồng trở nên căng thẳng và không có hạnh phúc do đó bà và ông N đã sống ly thân nhau từ tháng 2 năm 2024 đến nay. Trong thời gian bà làm đơn xin ly hôn ông N thì ông còn có hành vi đốt vàng mã rồi cúng khấn, nguyên rửa bà và ông lồng ghép những hình ảnh không

hay rồi gửi lên mạng xã hội, nhấn tin đe dọa bà... Vì thế mà bà xác định không còn tình cảm với ông N nữa nên đề nghị Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà có ba con chung là Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh năm 1984; Nguyễn Thị Thuý H, sinh năm 1986 và Nguyễn Văn N, sinh năm 1991. Nay ly hôn các con của bà đều đã trưởng thành và xây dựng gia đình nên bà không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung, các khoản cho vay chung: Bà H xác định tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết; về các khoản cho vay chung: Không có.

Tại bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên toà bị đơn ông Nguyễn Văn N trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn như bà H trình bày là đúng. Sau khi kết hôn bà H về nhà ông làm dâu. Tình cảm vợ chồng chung sống hoà thuận đến năm 2022 thì mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng về quan điểm, bà H ghen tuông cho rằng ông ngoại tình, nhưng thực tế không phải như vậy, ông đã nhiều lần giải thích nhưng bà H không nghe vì thế nên có một hai lần không kiềm chế được nên ông đã tác động chân tay với bà H, sau đó con ông đón ông về ở cùng một thời gian. Vợ chồng sống ly thân nhau từ ngày 03/02/2024. Nay bà H xin ly hôn với lý do trên ông muốn bà H về đoàn tụ với gia đình, bản thân ông không muốn ly hôn, ông mong muốn bà H suy nghĩ lại gì gia đình vì chồng vì con. Tại phiên toà ông N có quan điểm bà H xin ly hôn với ông, ông không có ý kiến gì nhưng vì ông bà chưa thoả thuận được với nhau về tài sản nên ông đề nghị hoãn phiên toà để giải quyết về tài sản.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông bà có ba con chung là Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh năm 1984; Nguyễn Thị Thuý H, sinh năm 1986 và Nguyễn Văn N, sinh năm 1991. Nay các con của ông Bà đều đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết

Về tài sản chung: Tại bản tự khai và tại phiên hoà giải ông N trình bày tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết; về các khoản cho vay chung: Không có. Tại phiên toà ông N đề nghị hoãn phiên toà để giải quyết về tài sản.

Phân tranh luận: Bà H giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với ông N; về con chung: đã trưởng thành nên không yêu cầu toà án giải quyết; về tài sản chung: tự thoả thuận không yêu cầu toà án giải quyết; về nợ chung, các khoản cho vay chung: Không có.

Ông N trình bày việc bà H xin ly hôn ông không có ý kiến gì nhưng ông đề nghị phải giải quyết về tài sản cùng với việc ly hôn, ông đề nghị hoãn phiên toà để giải quyết phân chia tài sản giữa ông bà H.

Bà H đối đáp về tài sản ông bà đã tự thoả thuận phân chia tài sản xong, không yêu cầu Toà án giải quyết, không đồng ý với ý kiến của ông N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở kết quả tranh luận tại phiên toà, HĐXX xét thấy:

[1]. Về thủ tục tố tụng - Thủ lý đơn khởi kiện: Ngày 13/3/2025 bà H nộp đơn khởi kiện đến Tòa án, cùng ngày Tòa án có Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, ngày 01/4/2025 bà H đã nộp lại đơn khởi kiện. Tòa án đã có Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí ngày 01/4/2025, cùng ngày bà H nộp lại biên lai nộp tiền tạm ứng án phí, Tòa án thụ lý vụ án đảm bảo theo quy định tại khoản 3 Điều 191 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về “Ly hôn” giữa nguyên đơn là bà Đặng Thị Minh H và bị đơn là ông Nguyễn Văn N. Ông N có hộ khẩu thường trú và hiện đang ở tại xóm Phúc Tài, xã Phúc Thuận, thành phố Phổ Yên. Căn cứ Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình giải quyết vụ án Toà án không tiến hành thu thập tài liệu chứng cứ nên không có sự tham gia của Viện kiểm sát là phù hợp quy định của pháp luật. Do vậy không chấp nhận yêu cầu của ôngN về việc phải có kiểm sát viên tham gia phiên toà.

[3]. Về nội dung:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị Minh H và ông Nguyễn Văn N có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn ông bà chung sống hoà thuận. Theo bà H sau vài năm chung sống thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn về quan điểm sống và cách sống, ngoài ra ôngN còn có quan hệ trai gái, bên cạnh đó ôngN còn nhiều lần xúc phạm, hành hạ bà về cả thể chất, tinh thần vì thế đến nay bà xác định không còn tình cảm với ôngN nữa và kiên quyết xin ly hôn với ôngN. Phía ôngN cũng xác định vợ chồng ông bà có xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do bà H luôn nghi ngờ ông có quan hệ trai gái nhưng ông không thể giải thích được. Có một hai lần do không kiểm chế được bản thân nên ông đã tát bà H, ném điện thoại của bà H đi. Bên cạnh đó thì bà cũng không quan tâm gì đến ông và vợ chồng cũng đã ly thân nhau được hơn một năm nay. Tuy nhiên nay bà H xin ly hôn thì ông không có ý kiến gì nhưng vì ông bà chưa thoả thuận được với nhau về việc tự phân chia tài sản nên ông đề nghị hoãn phiên toà để giải quyết về tài sản.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà H thì thấy: Trong quá trình chung sống giữa bà H và ông N đã phát sinh mâu thuẫn từ nhiều năm, tuy nhiên sau đó ông bà vẫn tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân, nhưng đến năm 2022 thì mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng hơn do ông N thường xuyên hành hạ về tinh thần bà, đánh đập bà chính vì thế mà bà đã mất hết tình cảm với ôngN, sau khi bà làm đơn xin ly hôn với ông N thì ông còn có hành vi đốt vàng mã, khấn cúng nguyên rủa bà H, đe dọa bà H vì thế mà bà H rất lo sợ và kiên quyết xin ly hôn với ông N. Phía ôngN trong quá trình giải quyết vụ án ông trình bày quan điểm không đồng ý ly hôn với bà H. Tại phiên toà ông trình bày việc bà H xin ly hôn ông, ông không có ý kiến gì nhưng ông đề nghị phải giải quyết xong tài sản thì ông mới đồng ý giải quyết việc ly hôn với bà H. Đối với việc bà H cung cấp Video về việc ông có đốt vàng mã và khấn cúng bà H đó là do thầy cúng bảo ông nói thế nào thì ông nói thế. Qua lời trình bày của ông N thì thấy việc ông không đồng ý ly hôn với bà H không phải là do ông còn tình cảm yêu thương bà H mà do ông bà chưa thoả thuận được với nhau về tài sản nên ông không đồng ý giải quyết việc ly hôn với bà H và thực tế ông bà đã sống ly thân nhau từ tháng 2 năm 2024 đến nay và không ai quan tâm đến cuộc sống của ai nữa.

Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét thấy có đủ căn cứ để xác định tình trạng hôn nhân giữa bà H và ôngN đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, việc duy trì quan hệ hôn nhân này cũng không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng*

chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; có nghĩa vụ chung sống với nhau...”. Tại phiên tòa, cho thấy thái độ cương quyết ly hôn của bà H đối với ông N và bà khẳng định không còn tình cảm gì với ông N nữa.

Theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hoà giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được”.*

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hoà giải giữa bà H và ông N. Tại phiên hoà giải bà H kiên quyết xin ly hôn với ông N, ông N không đồng ý ly hôn với bà H. Sau đó bà H có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hoà giải và đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật. Do vậy Tòa án đã tiến hành đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa đến phần tuyên án ông N đã tự ý bỏ về không nghe tuyên án thể hiện thái độ không tôn trọng pháp luật cũng như không tôn trọng chính hôn nhân của ông bà.

Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H, cho bà H được ly hôn với ông N là phù hợp theo quy định tại Điều 19, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.2]. Về con chung: Trong quá trình chung sống bà H và ông N có ba con chung là Nguyễn Thị Quỳnh N, sinh năm 1984; Nguyễn Thị Thuý H, sinh năm 1986 và Nguyễn Văn N, sinh năm 1991. Nay các con đã trưởng thành muốn ở với ai thì tuỳ các con, không đặt ra việc giải quyết.

[3.3]. Về tài sản chung: Quá trình giải quyết bà H và ông N trình bày tự thoả thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tại phiên tòa bà H vẫn giữ nguyên quan điểm tự thoả thuận về tài sản với ông N và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Phía ông N không đồng ý và đề nghị hoãn phiên tòa để giải quyết về tài sản. Hội đồng xét xử thấy rằng do trong quá trình giải quyết vụ án trong bản tự khai, biên bản hoà giải ông N đều trình bày tự thoả thuận về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trước và sau khi tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải Tòa án không nhận được văn bản, đơn phản tố về việc yêu cầu phân chia tài sản giữa ông N và bà H. Do vậy Tòa án không chấp nhận việc hoãn phiên tòa để giải quyết phân chia tài sản theo yêu cầu của ông N. Nếu ông N có yêu cầu về việc phân chia tài sản thì ông N có quyền làm đơn yêu cầu phân chia tài sản sau khi ly hôn đối với bà H và giải quyết ở vụ án khác.

[3.4]. Về nợ chung, các khoản cho vay chung: Bà H xác định không có nên không đặt ra việc giải quyết.

[4]. Về án phí: Nguyên đơn bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật để nộp Ngân sách Nhà nước.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 271, 273, 264, 266, 483 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Đặng Thị Minh H đối với ông Nguyễn Văn N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Đặng Thị Minh H được ly hôn với ông Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Đã trưởng thành, không đặt ra việc giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không đặt ra việc giải quyết.

4. Về nợ chung, các khoản cho vay chung: Không có.

5. Về án phí: Nguyên đơn bà Đặng Thị Minh H phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số 0001541 ngày 01/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên.

6. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt bà H báo cho biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông N vắng mặt khi tuyên án nên báo cho ông N biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND thành phố Phổ Yên;
- THADS thành phố Phổ Yên;
- Cổng thông tin điện tử TANDTC;
- UBND phường BS;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ TÊN)**

Hà Thị Thu Thủy